

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 338/2025/DS-ST
Ngày: 26 – 8 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

2. Ông Phạm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1044/2024/TLST-DS ngày 28/4/2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1081/2025/QĐST – DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, Phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Trần Văn B, sinh năm 1975 làm đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 983/2025/UQ-TT.XLN ngày 18/3/2025 (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G Đường số B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Trần Văn B đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2025, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được có lời trình bày như sau:

Ngày 19/9/2023, ông Nguyễn Thanh H có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S gửi Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng).

Ngày 19/9/2023, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-9987, loại thẻ Vi sa, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.77%, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 148.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.500.000 đồng. Sau đó, ông H đã không thực hiện thanh toán theo như thoả thuận trong hợp đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu:

- Buộc Nguyễn Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 99.074.638 đồng (Chín mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 59.644.896 đồng; Lãi quá hạn: 39.429.742 đồng.

- Và ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 99.074.638 đồng (Chín mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 59.644.896 đồng; Lãi quá hạn: 39.429.742 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 2000; địa chỉ: Số G Đường số B, khu phố A, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp hợp đồng về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn ông Nguyễn Thanh H có địa chỉ tại phường H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường H, thành phố T cho biết ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 2000 không đăng ký cư trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ: Số G Đường số B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú thực tế của ông Nguyễn Thanh H nhưng phía nguyên đơn không cung cấp được vì ông H không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết. Đồng thời, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ông H cung cấp địa chỉ hiện tại số G Đường số B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ số G Đường số B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường H (nay là phường H) và tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 19/5/2025, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 1044/2025/TB-TLVA ngày 28/4/2025 và giấy triệu tập đương sự ngày 12/5/2025, triệu tập ông Nguyễn Thanh H đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 05/6/2025 để trình bày lời khai giải quyết vụ án;

- Lần 2: Vào ngày 09/6/2025, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 5392/TB-TA ngày 05/6/2025 và giấy triệu tập đương sự ngày 05/6/2025, triệu tập ông Nguyễn Thanh H đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/6/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

- Lần 3: Vào ngày 15/7/2025, niêm yết thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/6/2025, giấy triệu tập xét xử

ngày 11/7/2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2025/QĐXXST – DS ngày 11/7/2025, yêu cầu ông Nguyễn Thanh H có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, số A, Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 04/8/2025 để tham gia phiên tòa;

- Lần 4: Vào ngày 06/8/2025, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 1081/2025/QĐST-DS ngày 04/8/2025, giấy triệu tập xét xử ngày 04/8/2025 yêu cầu ông Nguyễn Thanh H có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, số A, Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 26/8/2025 để tham gia phiên tòa.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ủy quyền ông Trần Văn B làm người đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 99.074.638 đồng (Chín mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 59.644.896 đồng; Lãi quá hạn: 39.429.742 đồng.

Tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/9/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S của ông Nguyễn Thanh H gửi Ngân hàng TMCP S, trong đó có nội dung: “Tôi/chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ và PIN (nếu có) theo phương thức mà S1 áp dụng theo từng thời kỳ (bao gồm nhưng không giới hạn việc liên hệ các điểm giao dịch của S1, TT.DVKH của S1, gửi tin nhắn SMS từ số điện thoại tôi/chúng tôi đã đăng ký, kích hoạt thẻ qua kênh ngân hàng điện tử, qua ATM S1, qua các ứng dụng S1 hoặc các hình thức tương tự) sẽ được chính tôi/chúng tôi thực hiện và tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh theo việc kích hoạt thẻ này. Khi đó, S1 hiểu rằng tôi/chúng tôi đã nhận được thẻ S1 phát hành và S1 không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với thẻ kích hoạt”. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Ngân hàng TMCP S có cấp cho ông Nguyễn Thanh H thẻ tín dụng số 472074 -9987 và ông Nguyễn Thanh H có sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch đối với thẻ tín dụng nói trên.

Tại bản tóm tắt sao kê số thẻ 472074-9987 của khách hàng ông Nguyễn Thanh H thể hiện: Tính đến ngày 26/8/2025, ông Nguyễn Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 59.644.896 đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Nguyễn Thanh H trả số tiền nợ gốc 59.644.896 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất,

phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Thanh H trả số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 26/8/2025 với số tiền Lãi quá hạn: 39.429.742 đồng là có cơ sở. Từ ngày 27/8/2025, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/9/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi ông Nguyễn Thanh H trả hết nợ. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116; Điều 117; Điều 357; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc Nguyễn Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 99.074.638 đồng (Chín mươi chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 59.644.896 đồng; Lãi quá hạn: 39.429.742 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/9/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm là 4.953.732 đồng (Bốn triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).

H1 lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 2.103.603 đồng (Hai triệu, một trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm lẻ ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0072880 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S, ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Hoài